

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 230/QĐ CTHADS-VP

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh bổ sung ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án hành án dân sự (lần 2)

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; sửa đổi theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng (theo biểu đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Chánh Văn phòng, các phòng thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Công đoàn Cục Thi hành án dân sự, toàn thể chức và người lao động tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP.



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Uôt

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số 229/QĐ-CTHADS ngày 14/11/2022 của Cục trưởng cục thi hành án tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị 1.000 đồng

Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo từng đơn vị sử dụng											
		Cục THADS tỉnh Sóc Trăng	Chi cục THADS TP Sóc Trăng	Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu	Chi cục THADS huyện Thạnh Trị	Chi cục THADS TX Ngã Năm	Chi cục THADS huyện Mỹ Tú	Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên	Chi cục THADS huyện Long Phú	Chi cục THADS huyện Lao Động	Chi cục THADS Huyện Kế Sách	Chi cục THADS huyện Trần Đề	Chi cục THADS huyện Châu Thành
I. Thu, chi ngân sách và phí lệ phí													
1. Số thu phí, lệ phí.													
2. Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại (Gồm: 55% được sử dụng tại đơn vị và 20% nộp về Tổng cục)													
3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách (25% NSNN)													
II. Dự toán chi NSNN (loại 340 - khoản 341)	672.250	44.282	120.785	6.000	52.742	14.742	102.000	103.050	10.742	31.452	146.792	10.742	10.742
1. Giáo dục, đào tạo dạy nghề (Loại 070 khoản 085)	129.850	31.150	8.500	6.000	42.000	4.000	2.000	3.050	0	3.100	26.050		
Kinh phí đào tạo	129.850	31.150	8.500	6.000	42.000	4.000	2.000	3.050		3.100	26.050		
2. Quản lý hành chính (loại 340 - khoản 341)	542.400	13.132	112.285		10.742	10.742	100.000	100.000	10.742	28.352	120.742	10.742	10.742
2.1. Kinh phí thực hiện tự chủ	122.400	10.742	12.285		10.742	10.742				10.742	20.742		
- Kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp cho CBCC.	122.400	10.742	12.285		10.742	10.742				10.742	20.742		
2.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	420.000	2.390	100.000				100.000	100.000		17.610	100.000		
Kinh phí cường chế ngân sách chịu	20.000	2.390								17.610			
Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án	400.000		100.000				100.000	100.000			100.000		
Địa điểm KBNN nơi đơn vị SDNS giao dịch		KBNN tỉnh ST	KBNN thị xã Vĩnh Châu	KBNN huyện Thạnh Trị	KBNN thị xã Ngã Năm	KB NN Mỹ Tú	KBNN Mỹ Xuyên	KB huyện Long Phú	KBNN huyện Lao Động	KBNN huyện Kế Sách	KB huyện Trần Đề	KB huyện Châu Thành	